

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2024

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Thành

Ông Đỗ Ngọc Quý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh:** Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 08 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Triệu Thị Lệ T - sinh năm 1988;

Trú tại: 8 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Bình K - sinh năm: 1983;

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2024 (nộp Tòa án ngày 27/5/2024), biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Triệu Thị Lệ T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Bình K tự nguyện yêu thương, về sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T,

tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014 quyền số 01/2014, ngày 08 tháng 12 năm 2014.

Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích kinh cãi, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau, có những lời nói xúc phạm lẫn nhau, dần dần tình cảm giữa bà và ông K ngày càng phai nhạt, bà và ông K đã sống ly thân nhau hơn 01 năm qua, bà sống ở Bến Tre cùng các con còn ông K sống cùng gia đình tại xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; giữa bà và ông K không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau; bà T xác định hiện tại bản thân không còn tình cảm với ông K nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 (hai) con chung là Huỳnh Triệu V - sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Huỳnh Triệu Quốc B - sinh ngày 11 tháng 9 năm 2016; hiện các con đang sinh sống cùng với bà, khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Bình K trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Triệu Thị Lệ T về thời gian kết hôn cũng như về quan hệ hôn nhân. Quan hệ giữa vợ chồng ông hiện đang gặp nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn xuất phát từ năm 2019 khi bà T tự ý bỏ nhà đi, không liên lạc được; nguyên nhân là giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bà T sống vô tâm với ông, ông tập trung làm kinh tế có tiền gửi cho bà T nhưng bà T không quan tâm, đối xử lạnh nhạt, không đáp lại tình cảm của ông; bà T còn có mối quan hệ mập mờ với người khác, ông đã góp ý nhưng bà T không thay đổi; tháng 7/2023 ông về nhà mẹ ruột tại xã V, huyện V sinh sống do bà T đuổi ông về, ông ở đây lo làm kiếm tiền gửi cho vợ con nhưng bà T vẫn không đáp lại sự quan tâm, tình cảm của ông, vẫn sống lạnh nhạt với ông và thường hay đòi ly hôn; ông xác nhận hiện tại mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không giải quyết được. Tuy nhiên, ông không muốn ly hôn do không muốn gia đình tan vỡ, con cái không có đầy đủ cha mẹ, ông đề nghị cho vợ chồng ông có thời gian để cả hai suy xét lại để hoà giải đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 (hai) con chung là Huỳnh Triệu V - sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Huỳnh Triệu Quốc B - sinh ngày 11 tháng 9 năm 2016; ông xác nhận hiện các con chung đang sinh sống cùng với bà T. Trường hợp

phải ly hôn, ông đồng ý giao cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Triệu V; ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Triệu Quốc B đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông K xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

1. *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung*: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Triệu Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh Huỳnh Bình K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa bà T với anh K là “*Tranh chấp về ly hôn*”. Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà anh K đang cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Triệu Thị Lệ T và ông Huỳnh Bình K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014 quyển số 01/2014 ngày 08 tháng 12 năm 2014. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Bình K. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa bà T và ông K, theo bà T xác định: Do do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích kinh cãi, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau, có những lời nói xúc phạm lẫn nhau, dần dần tình cảm giữa bà và ông K ngày càng phai nhạt. Mặc dù bà T cũng đã nhiều lần muốn ly hôn nhưng bà vẫn cố gắng kéo thời gian để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không

thành công; từ tháng 7/2023, bà và ông K đã sống ly thân nhau, thời gian ly thân đã hơn 01 năm, bà sống ở Bến Tre cùng các con còn ông K sống cùng gia đình tại xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, giữa cả hai đã không còn quan hệ với nhau về mọi mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Bình K vẫn giữ nguyên ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024 và biên bản hòa giải; ông không đồng ý ly hôn do không muốn gia đình đổ vỡ, con cái không có đủ cha, mẹ; ông mong muốn có thời gian để cả hai suy ngẫm lại mối quan hệ và hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên yêu cầu của ông K không được bà T chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy ông Huỳnh Bình K không đồng ý ly hôn nhưng qua lời khai của ông K tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông K cũng thừa nhận do nhiều nguyên nhân mà quan hệ vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, bà T sống lạnh nhạt với ông, không quan tâm chăm sóc cũng như bỏ mặc cảm xúc, tình cảm của ông; ông cũng đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng ông vẫn chưa giải quyết được.

[2.3] Căn cứ Đơn xin xác nhận ngày 14/8/2024 của bà Triệu Thị Lệ T, trưởng ấp X ông Nguyễn Tuấn K1 xác nhận nội dung bà Triệu Thị Lệ T và ông Huỳnh Bình K hiện tại không sống chung với nhau tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre là đúng sự thật. Đơn cũng được UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre xác nhận.

[2.4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Triệu Thị Lệ T và ông Huỳnh Bình K đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Triệu Thị Lệ T đối với ông Huỳnh Bình K.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

[3.1] Bà Triệu Thị Lệ T và ông Huỳnh Bình K đều xác định vợ chồng ông bà có 02 (hai) con chung là Huỳnh Triệu V - sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Huỳnh Triệu Quốc B - sinh ngày 11 tháng 9 năm 2016. Bà T và ông K đều xác nhận hiện các con chung đang sinh sống, học tập cùng bà T ở Bến Tre.

Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông K không đồng ý, ông K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Triệu Quốc B và giao cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Triệu V; đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Đơn xin xác nhận ngày 16 tháng 8 năm 2024 của bà Triệu Thị Lệ T do B1 giám hiệu Trường Tiểu học T1, huyện T, tỉnh Bến Tre xác nhận hiện hai cháu Huỳnh Triệu V, Huỳnh Triệu Quốc B đang là học sinh tại trường; ông K, bà T cũng xác nhận cả hai con chung hiện đang sinh sống cùng bà T tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Như vậy, hiện nay các con chung đang sinh sống cùng mẹ, việc học tập, sinh sống của các cháu đã đi vào ổn định; đồng thời, tại các biên bản lấy lời khai thể hiện, cháu V, cháu B đều có nguyện vọng muốn sinh sống cùng mẹ, được mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Do đó, để tạo điều kiện phát triển toàn diện cho các con chung, đảm bảo sự ổn định cũng như theo ý kiến, nguyện vọng của các con chung, xét thấy cần giao cả hai con chung cho bà Triệu Thị Lệ T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T, ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T, ông K đều xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Triệu Thị Lệ T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Triệu Thị Lệ T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Lệ T được ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Bình K.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Giao cả 02 (hai) con chung là Huỳnh Triệu V - sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Huỳnh Triệu Quốc B - sinh ngày 11 tháng 9 năm 2016 cho bà Triệu Thị Lệ T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi;

Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông K có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Triệu Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007123 ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014 quyển số 01/2014 ngày 08 tháng 12 năm 2014);
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng

